TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/12/2020
(*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Phong Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Minh Huấn
2. Bà Lưu Thị Thôi

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thái Hà –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 10 phút ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 476/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2020 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 475/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 498/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị A – sinh năm 1977
Trú tại: khu phố B, phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
*** Bị đơn:** Ông Bùi Văn D – sinh năm 1972
Trú tại: khu phố B, phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên tòa có mặt bà A, vắng mặt ông D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Đỗ Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó ông bà phát sinh mâu thuẫn về tài chính; ông D sống không có trách nhiệm với vợ con, không lo cho con cái và gia

đình, mặt khác ông D đã nhiều lần dùng bạo lực đối với bà, bà đã nhiều lần nộp đơn đến tòa xin ly hôn nhưng vì con bà rút đơn lại. Khi về chung sống ông D vẫn tiếp tục gây gổ, xúc phạm bà gây mất trật tự tại địa phương. Hiện nay ông bà vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Nay bà xác định không thể duy trì cuộc sống chung nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung, bà và ông D có 03 con là Bùi Thị E, sinh ngày 05/12/1997 và Bùi Thị F, sinh ngày 18/8/2001(đều đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Bùi Quốc G, sinh ngày 11/3/2007. Hiện các con vẫn ở chung với bà và ông D. Nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi con Quốc G, không yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Bùi Văn D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông không hợp tác, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để xét xử vắng mặt ông D.

* Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự (nguyên đơn) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Bùi Văn D cư trú tại khu phố B, phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ông D không tham gia tố tụng tại tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông D là hợp pháp, ông bà đã được Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyển số 01/2005 ngày 31/10/2005.

Bà A cho rằng, trong quá trình chung sống bà và ông D thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến gây gổ, xúc phạm nhau, đã mạnh ai nấy sống. Xét lời khai của bà A là phù hợp với xác nhận của chính quyền địa phương bà A và ông D có xảy ra mâu thuẫn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa hòa giải nhưng ông D không hợp tác, không đến tòa, chứng tỏ ông D bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà A, không còn thiết tha xây dựng,

vun vén hạnh phúc gia đình. Từ những nhận định này, đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn xảy ra giữa bà A và ông D là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà A và ông D có con Bùi Thị E, sinh ngày 05/12/1997 và Bùi Thị F, sinh ngày 18/8/2001, đều đã trưởng thành và có khả năng lao động, còn Bùi Quốc G, sinh ngày 11/3/2007, có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cho bà A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi cháu, bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/**Áp dụng**: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Luật thi hành án dân sự.

2/ **Tuyên xử**:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị A, bà A được ly hôn ông Bùi Văn D.

Về con chung: Giao cho bà Đỗ Thị A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Quốc Huy(giới tính nam), sinh ngày 11/3/2007. Bà A chưa yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Đỗ Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0007965 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bà A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Phong Lan

Nơi nhận :
- *Các đương sự;*
- *Viện KSND TP Phan Thiết;*
- *UBND phường C;;*
- *Thi hành án dân sự Phan Thiết;*
- *Lưu hồ sơ.*